

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0652004 - Vẽ kỹ thuật
Lớp :

STC : 4(60,0,0,0,0,0) Lần thi : 3
Năm học : 2012-2013 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Trần Anh	Tuấn	3654010005	24/08/1993	4,40			
2	Nguyễn Thanh	Lịch	3654010009	20/04/1993	3,40			
3	Nguyễn Đức	Quý	3654010014	07/10/1994	2,40			
4	Nguyễn Văn	Lựu	3654010020	21/03/1994	1,60			
5	Lê Trí	Dương	3654010022	10/01/1994	5,10			
6	Lê Quang	Vinh	3654010026	16/02/1994	3,50			
7	Vũ Ngọc	Hải	3654010031	24/08/1994	5,40			
8	Lê Đình	Phước	3654010041	13/03/1993	3,10			
9	Trần Minh	Tiến	3654010044	27/01/1994	2,60			
10	Lê Bá	Khánh	3654010046	15/08/1994	3,40			
11	Phùng	Lập	3654010050	20/04/1994	5,00			
12	Trần Quang	Minh	3654010051	02/07/1994	3,60			
13	Phan Thọ	Luân	3654010057	03/03/1993	3,00			
14	Trần Hữu	Khánh	3654010062	13/03/1994	3,80			
15	Trần Huỳnh Huy	Hoàng	3654010065	22/11/1994	,00			CT
16	Trần Minh	Chánh	3654010067	16/07/1994	5,10			
17	Dương Anh	Tuấn	3654010073	15/02/1993	3,60			
18	Nguyễn Văn	Lực	3654010081	08/08/1994	2,90			
19	Nguyễn Phước	Khải	3654010091	21/05/1994	3,50			
20	Ngô Quốc	Chí	3654010092	11/11/1994	2,90			
21	Phan Thành	Lợi	3654010097	02/08/1994	2,80			
22	Nguyễn Văn	Nam	3654010098	12/02/1994	2,80			
23	Huỳnh Phước	Thành	3654010103	11/02/1994	2,30			
24	Nguyễn Đăng	Khoa	3654010106	18/02/1994	2,80			
25	Nguyễn Thành	Nam	3654010109	14/12/1994	3,60			
26	Võ Quốc	Tuấn	3654010110	11/07/1992	2,80			
27	Trần Anh	Tuấn	3654010112	10/04/1994	2,00			
28	Trương Tiến	Phát	3654010113	06/12/1994	2,50			
29	Lê Văn	Thời	3654010125	19/10/1993	1,60			
30	Nguyễn Thanh	Hùng	3654010132	18/07/1994	3,80			
31	Trần Văn	Hùng	3654010139	11/01/1994	2,80			
32	Lê A Li	Kha	3654010147	31/05/1994	,00			CT
33	Lâm Văn	Nguyên	3654010152	25/03/1994	3,00			
34	Lê Tinh	Út	3654010158	19/08/1994	4,00			
35	Nguyễn Minh	Tiến	3654010159	13/05/1993	2,00			

Học phần : 0652004 - Vẽ kỹ thuật
Lớp :

STC : 4(60,0,0,0,0,0) Lần thi : 3
Năm học : 2012-2013 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Trần Hoàng	Tiến	3654010161	30/06/1994	,00			CT
37	Nguyễn Tấn	Nhật	3654010164	28/04/1994	3,00			
38	Phạm Nguyễn Hoàng	Hiếu	3654010313	10/04/1993	2,50			
39	Thân Văn	Trụ	3654010314	20/05/1994	3,90			
40	Đông Văn	Dương	3654010321	06/08/1991	1,60			
41	Ngô Hớn	Lâm	3654010325	08/01/1994	5,20			
42	Phan Văn	Hậu	3654010330	15/08/1994	1,60			
43	Trần Thanh	Liêm	3654010333	14/06/1994	3,10			
44	Dương Hữu	Hiền	3654010347	13/08/1993	5,20			
45	Trần Hoàng	Tiến	3654010355	16/02/1994	,00			CT
46	Vi Nguyễn	Rễ	3654010368	01/01/1992	3,90			
47	Trịnh Văn	Viên	3654010369	22/08/1994	6,00			
48	Trần Tấn	Phúc	3654010386	01/07/1993	3,00			
49	Bùi Huy	Hải	3654010389	16/09/1994	2,20			

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)